

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH LÂM ĐỒNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 121/2014/NQ-HĐND

Đà Lạt, ngày 10 tháng 12 năm 2014

NGHỊ QUYẾT

Về việc quy định mức thu, nộp, chế độ quản lý và sử dụng Phí sử dụng đường bộ đối với xe mô tô, Phí tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản, Phí vệ sinh và bổ sung mức thu, nộp, chế độ quản lý và sử dụng một số loại lệ phí tại Nghị quyết số 101/2014/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 12

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh phí và lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH10 ngày 28 tháng 8 năm 2001 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí, lệ phí; Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí, lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí; Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC; Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thông tư số 133/2014/TT-BTC ngày 11 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ theo đầu phương tiện;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

Sáu khi xem xét Tờ trình số 6324/TTr-UBND ngày 24/11/2014 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định mức thu, nộp, chế độ quản lý và sử dụng Phí sử dụng đường bộ đối với xe mô tô; Phí tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản; Phí vệ sinh và bổ sung mức thu, nộp, chế độ quản lý và sử dụng một số loại lệ phí tại Nghị quyết số 101/2014/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách HĐND tỉnh và ý kiến của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí tán thành việc quy định mức thu, nộp, chế độ quản lý và sử dụng Phí sử dụng đường bộ đối với xe mô tô; Phí tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản; Phí vệ sinh và bổ sung mức thu, nộp, chế độ quản lý và sử dụng một số loại lệ phí tại Nghị quyết số 101/2014/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng theo biểu chi tiết đính kèm.

Điều 2. Nghị quyết này thay thế các quy định sau:

1. Phí sử dụng đường bộ đối với xe mô tô theo đầu phương tiện trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng quy định tại Khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 72/2013/NQ-HĐND tỉnh ngày 05/3/2013 của HĐND tỉnh Lâm Đồng về việc quy định mức thu và điều chỉnh mức thu, nộp, tỷ lệ điều tiết, chế độ quản lý và sử dụng đối với một số loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng;

2. Phí vệ sinh quy định tại Khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 72/2013/NQ-HĐND tỉnh ngày 05/3/2013 của HĐND tỉnh Lâm Đồng về việc quy định mức thu và điều chỉnh mức thu, nộp, tỷ lệ điều tiết, chế độ quản lý và sử dụng đối với một số loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh ủy quyền cho UBND tỉnh căn cứ Nghị quyết này và các quy định của pháp luật để quyết định chi tiết đối với phí vệ sinh và giao UBND tỉnh tổ chức thực hiện đối với các loại phí, lệ phí còn lại theo quy định.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng Khóa VIII, Kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2014 và có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày thông qua./. (t)

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, CP, VPQH, VPCP, VPCTN;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản Bộ Tư pháp;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh LĐ;
- TTTU, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa VIII;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Trung tâm Công báo tỉnh (đăng công báo);
- Đài PTTH, Báo Lâm Đồng (để đưa tin);
- VP Đoàn ĐBQH&HĐND, VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, HS kỳ họp, P.CTHĐND.



CHỦ TỊCH

Nguyễn Xuân Tiên



QUY ĐỊNH

Mức thu, nộp, chế độ quản lý và sử dụng Phí sử dụng đường bộ đối với xe mô tô, Phí tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản, Phí vệ sinh và bổ sung mức thu, nộp, chế độ quản lý và sử dụng một số loại lệ phí tại Nghị quyết số 101/2014/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 12A /2014/NQ-HĐND ngày 10 /12/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng)

I. Mức thu, nộp, chế độ quản lý và sử dụng Phí sử dụng đường bộ đối với xe mô tô:

1. Đối tượng chịu phí: Xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy và các loại xe tương tự.

2. Người nộp phí: Tổ chức, cá nhân sở hữu; sử dụng hoặc quản lý các loại xe quy định tại điểm 1 nêu trên phải nộp phí.

3. Cơ quan thu phí: Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn.

4. Mức thu phí:

Số TT	Loại phương tiện chịu phí	Mức thu (đồng/năm)	
		Tại phường, thị trấn	Tại các xã
1	Loại có dung tích xy lanh đến 100 cm ³	50.000	40.000
2	Loại có dung tích xy lanh trên 100 cm ³	120.000	100.000

5. Quản lý và sử dụng:

5.1. Đối với Ủy ban nhân dân các phường, thị trấn:

a) Được để lại 10% (mười phần trăm) số phí thu được để trang trải công tác tổ chức thu phí và được sử dụng như sau:

- Chi 50% cho người trực tiếp thực hiện thu phí;

- Chi 50% cho Ủy ban nhân dân các phường, thị trấn để chi cho công tác thu (bao gồm cả chi in biên lai thu phí). Việc sử dụng, quyết toán khoản chi phí thực hiện theo quy định tại Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí và Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí.

b) Số phí còn lại 90% (chín mươi phần trăm) UBND các phường, thị trấn phải nộp kịp thời hàng tuần vào tài khoản của Quỹ bảo trì đường bộ tỉnh Lâm Đồng và được sử dụng như sau:

- Cấp lại cho UBND các huyện, thành phố 60% để chi bảo trì đường bộ do các huyện, thành phố quản lý;

- 40% để lại bổ sung cho Quỹ bảo trì đường bộ tỉnh Lâm Đồng.

5.2. Đối với Ủy ban nhân dân các xã:

a) Được để lại 20% (hai mươi phần trăm) số phí thu được để trang trải công tác tổ chức thu phí và được sử dụng như sau:

- Chi 50% cho người trực tiếp thực hiện thu phí;

- Chi 50% cho Ủy ban nhân dân các xã để chi cho công tác thu (bao gồm cả chi in biên lai thu phí). Việc sử dụng, quyết toán khoản chi phí thực hiện theo quy định tại Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí và Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí.

b) Số phí còn lại 80% (tám mươi phần trăm) UBND các xã phải nộp kịp thời hàng tuần vào tài khoản của Quỹ bảo trì đường bộ tỉnh Lâm Đồng và được cấp lại toàn bộ cho UBND các xã để chi cho đầu tư đường giao thông nông thôn theo Chương trình xây dựng nông thôn mới.

II. Mức thu, nộp, chế độ quản lý và sử dụng Phí tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản:

1. Đối tượng nộp phí: Tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với khu vực khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng phải nộp phí tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

2. Đơn vị thu phí: Tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp hoặc Hội đồng bán đấu giá quyền khai thác khoáng sản tỉnh Lâm Đồng.

3. Mức thu phí:

3.1. Trường hợp đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò:

Số TT	Giá trị quyền khai thác khoáng sản theo giá khởi điểm	Mức thu (đồng/hồ sơ)
-------	---	----------------------

1	Từ 1 tỷ đồng trở xuống	2.000.000
2	Từ trên 1 tỷ đồng đến 5 tỷ đồng	4.000.000
3	Từ trên 5 tỷ đồng đến 10 tỷ đồng	6.000.000
4	Từ trên 10 tỷ đồng đến 50 tỷ đồng	8.000.000
5	Từ trên 50 tỷ đồng đến 100 tỷ đồng	10.000.000
6	Từ trên 100 tỷ đồng	12.000.000

3.2. Trường hợp đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản:

Số TT	Diện tích khu vực đấu giá	Mức thu (đồng/hồ sơ)
1	Từ 0,5 ha trở xuống	2.000.000
2	Từ trên 0,5 ha đến 2 ha	4.000.000
3	Từ trên 2 ha đến 5 ha	6.000.000
4	Từ trên 5 ha đến 10 ha	8.000.000
5	Từ trên 10 ha đến 50 ha	10.000.000
6	Từ trên 50 ha	12.000.000

4. Quản lý và sử dụng:

4.1. Đối với Hội đồng bán đấu giá quyền khai thác khoáng sản:

Được sử dụng số tiền phí thu được của người tham gia đấu giá để trang trải các chi phí liên quan đến việc tổ chức thực hiện phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 12 Thông tư Liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014 Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản, nếu thừa nộp vào ngân sách nhà nước.

4.2. Đối với Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản tỉnh Lâm Đồng:

Nộp toàn bộ số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước và lập dự toán chi phí thực tế phục vụ bán đấu giá được ngân sách nhà nước cấp lại.

4.3. Đối với đơn vị thu phí là Doanh nghiệp bán đấu giá:

Phí tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản thu được là khoản thu không thuộc ngân sách Nhà nước. Đơn vị thu phí có nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của pháp luật đối với số phí thu được và có quyền quản lý, sử dụng số tiền thu phí sau khi đã nộp thuế theo quy định của pháp luật. Hàng năm, đơn vị thu phí phải thực hiện quyết toán thuế đối với số tiền phí thu được với cơ quan thuế theo quy định của pháp luật về thuế hiện hành.

III. Mức thu, nộp, chế độ quản lý và sử dụng Phí vệ sinh:

1. Đối tượng nộp phí: Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng khi được các đơn vị, cá nhân thực hiện thu gom, vận chuyển rác thải phải nộp phí vệ sinh.

2. Đơn vị thu phí: Đơn vị, cá nhân được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải.

3. Mức thu:

Số TT	Nội dung	Mức thu
1	Đối với cá nhân cư trú, hộ gia đình:	Từ 3.000 đến 6.000 đ/người/tháng hoặc từ 20.000 đến 40.000 đồng/hộ/tháng
2	Đối với hộ kinh doanh buôn bán nhỏ, trường học, nhà trẻ, trụ sở làm việc của các doanh nghiệp, cơ quan HCSN:	Từ 100.000 đến 200.000 đồng/đơn vị/tháng; hoặc từ 160.000 đến 300.000 đồng/m ³ rác.
3	Đối với các cửa hàng, khách sạn, nhà hàng kinh doanh hàng ăn uống:	Từ 200.000 đến 400.000 đồng/cửa hàng/tháng hoặc từ 160.000 đến 300.000 đồng/m ³ rác;
4	Đối với các nhà máy, bệnh viện, cơ sở sản xuất, chợ, nhà ga, bến tàu, bến xe, điểm tham quan du lịch, lò giết mổ gia súc, gia cầm:	Từ 160.000 đến 300.000 đồng/m ³ rác;
5	Đối với các công trình xây dựng có thể tính theo số lượng rác thải ra hoặc tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị xây lắp công trình:	Từ 160.000 đến 300.000 đồng/m ³ rác hoặc không quá 0,05% giá trị xây lắp công trình.

4. Quản lý và sử dụng:

4.1. Đối đơn vị sự nghiệp có thu, đơn vị công ích hoặc tổ chức được giao thực hiện thu: được để lại 25% trên tổng số thu để chi cho công tác tổ chức thu. Số còn lại 75% nộp toàn bộ vào ngân sách nhà nước.

4.2. Đối với tổ chức, cá nhân kinh doanh: nộp các loại thuế theo quy định của Luật thuế.

4.3. Việc sử dụng, quyết toán khoản chi phí để thực hiện công tác thu phí thực hiện theo quy định tại Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm

2002 hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí và Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí.

IV. Bổ sung mức thu, nộp, chế độ quản lý và sử dụng một số loại lệ phí tại Nghị quyết số 101/2014/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng:

1. Bổ sung chế độ quản lý và sử dụng Lệ phí chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng tại Điểm 1.2 Mục 1 Phần II Danh mục danh mục mức thu, nộp, chế độ quản lý và sử dụng các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng ban hành kèm theo Nghị quyết số 101/2014/NQ-HĐND ngày 15/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng như sau:

Cơ quan tổ chức thu lệ phí được để lại 30% số lệ phí thu được để chi cho công tác thu. Số còn lại 70% nộp toàn bộ vào ngân sách Nhà nước.

2. Bổ sung mức thu Lệ phí cấp giấy phép hoạt động điện lực đối với hoạt động phân phối và kinh doanh tại Điểm 7.3 Mục 7 Phần II Danh mục mức thu, nộp, chế độ quản lý và sử dụng các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng ban hành kèm theo Nghị quyết số 101/2014/NQ-HĐND ngày 15/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng như sau:

Phân phối và kinh doanh: Không quá 700.000 đồng/1 giấy phép.

3. Các nội dung liên quan khác giữ nguyên theo quy định tại Nghị quyết số 101/2014/NQ-HĐND ngày 15/7/2014 quy định danh mục, mức thu, nộp, chế độ quản lý và sử dụng các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng./.